

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 495/2024/DS-PT
Ngày 12-9-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài
sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mộng Tuyết.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng;
Ông Nguyễn Trung Dũng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Lê Trung Kiên – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 371/2024/TLPT-DS ngày 07 tháng 8 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 67/2024/DS-ST ngày 11 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 371/2024/QĐ-PT ngày 14 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 440/2024/QĐ-PT ngày 27 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1962; địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên hệ: số nhà A, đường D, khu phố C, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- **Bị đơn:** Ông Hà Tấn T, sinh năm 1982; địa chỉ: số nhà G, đường D, tổ A, khu phố E, phường C, thành phố B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Nguyễn Xuân T1, sinh năm 1962; địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên hệ: số nhà A, đường D, khu phố C, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

2. Ông Lê Ngọc L, sinh năm 1989; địa chỉ liên hệ: số nhà A, đường N,

khu phố G, phường C, thành phố B, tỉnh Bình Dương, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người kháng cáo: bị đơn ông Hà Tấn T.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:*

Do có mối quan hệ quen biết nên vào ngày 21/01/2020, bà Nguyễn Thị M có cho ông Hà Tấn T mượn số tiền 280.000.000 đồng. Việc vay tiền có lập văn bản là Giấy vay tiền đề ngày 21/01/2020. Giấy này do bà M nhờ người đánh máy theo mẫu, ông T là người viết điền thông tin vào những chỗ trống và ký tên, ghi họ và tên tại mục “người vay” ở cuối văn bản. Ông T nói mượn đỡ bà M 01 tháng là ngày 21/02/2020 sẽ trả nên hai bên không thỏa thuận lãi suất. Việc vay tiền không thể chấp bất kỳ tài sản hay giấy tờ gì. Sau khi viết giấy vay tiền thì bà M đã giao toàn bộ số tiền mặt là 280.000.000 đồng cho ông T. Sau đó, ông T đã trả cho bà M 03 lần (01 lần nhận tiền từ ông T và 02 lần nhận tiền từ ông Lê Ngọc L) với tổng số tiền là 80.000.000 đồng. Hiện nay, ông T còn nợ bà M số tiền 200.000.000 đồng.

Mặc dù, bà M đã nhiều lần liên hệ, yêu cầu ông T trả tiền cho bà M nhưng ông T cố tình trốn tránh.

Do đó, bà M yêu c Tòa án giải quyết: buộc ông Hà Tấn T có nghĩa vụ trả cho bà M toàn bộ khoản nợ gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi tính từ tháng 02/2020 tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 45 tháng với mức lãi suất 1,6%/tháng là 12.000.000 đồng, tổng cộng là 212.000.000 đồng (hai trăm mười hai triệu đồng).

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà M trình thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn ông T trả cho bà M số tiền gốc còn nợ là 200.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm kể từ ngày đến hạn thanh toán là ngày 21/02/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Ngoài ra, nguyên đơn không có yêu cầu giải quyết gì thêm.

- *Bị đơn ông Hà Tấn T trình bày:*

Vào năm 2020, ông T có vay của bà Nguyễn Thị M số tiền 200.000.000 đồng nhưng khi lập giấy vay tiền thì bà M yêu c ông T ghi số tiền vay là 280.000.000 đồng. Số tiền này bao gồm cả tiền gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi là 80.000.000 đồng. Sau khi ông T viết giấy vay tiền và ký tên, ghi họ tên xác nhận, bà M đã giao cho ông T số tiền mặt là 200.000.000 đồng tại nhà bà M ở xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Sau đó, ông T đã trả cho bà M nhiều lần, bao gồm cả tiền gốc và tiền lãi bằng tiền mặt. Trong đó có 01 lần vào khoảng 03 giờ chiều một ngày vào khoảng năm 2021, ông T đã mang số tiền 100.000.000 đồng đến nhà bà M là shop quần áo Hoàng A tại đường D, khu phố C, phường M, thành phố B để trả cho bà M. Khi đến, do không gặp bà M nên ông T đã giao số tiền này cho ông

Nguyễn Xuân T1 là chồng của bà M khi ông T1 đang ngồi ở ghế phía trước cửa nhà của bà M để giữ xe nhưng việc trả tiền không lập văn bản cho ông T1 ký nhận tiền. Cũng trong khoảng năm 2021, ông T có đưa tiền cho nhân viên của mình là ông Lê Ngọc L khoảng 04 đến 05 lần, mỗi lần đưa từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng tiền mặt nhờ ông L mang đến nhà của bà M là shop quần áo Hoàng A tại đường D, khu phố C, phường M để trả cho bà M. Tổng cộng, ông T đã đưa cho ông L và ông L đã trả cho bà M là khoảng hơn 100.000.000 đồng. Những lần ông L giao tiền trả cho bà M đều không lập thành văn bản ký xác nhận. Trước khi đưa tiền cho ông L mang trả cho bà M thì ông T đều có gọi cho bà M, khi ông L về thì ông L cũng có gọi lại cho bà M và bà M xác nhận là đã nhận tiền rồi.

Ngoài ra, có một lần ông T nhờ ông L mang số tiền 50.000.000 đồng trả cho bà M thì bà M không nhận vì bà M đòi phải trả thêm số tiền 30.000.000 đồng tiền lãi của số tiền 50.000.000 đồng này nữa. Nếu không đưa đủ thì bà M không nhận nên ông L đã cầm số tiền 50.000.000 đồng này về trả lại cho ông T.

Tổng số tiền gốc và tiền lãi mà ông T đã trả cho bà M đã hơn 200.000.000 đồng, cụ thể là bao nhiêu thì ông T không nhớ rõ nhưng ông T xác định chỉ còn nợ bà M số tiền 50.000.000 đồng là tiền ông T đã nhờ ông L mang trả cho bà M mà bà M không đồng ý nhận.

Bị đơn ông T không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà M. Ông T chỉ đồng ý trả cho bà M số tiền 50.000.000 đồng còn nợ và tiền lãi tính trên số tiền 50.000.000 đồng này theo mức lãi suất do Nhà nước quy định là 10%/năm kể từ ngày 21/02/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Những số tiền còn lại bà M yêu cầu thì ông T không đồng ý trả.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Xuân T1 trình bày:

Số tiền 280.000.000 đồng bà M cho ông T vay là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của ông T1 và bà M. Việc bà M cho ông T vay tiền cụ thể như thế nào thì ông T1 không rõ.

Nhà ông T1 là shop quần áo Hoàng A ở hướng Tây nên buổi chiều rất nắng, không bao giờ có chuyện 03 giờ chiều mà ông T1 ngồi trước cửa được nên ông T nói đến giao tiền cho ông T1 lúc 03 giờ chiều là không đúng.

Chỉ có một lần ông T đến nhà ông T1 vào buổi tối (không nhớ rõ ngày tháng năm nào), khi đó bà M ở trong nhà. Ông T đưa cho ông T1 một số tiền mặt bảo ông T1 đưa cho bà M. Ông T1 cầm vào đưa cho bà M đếm thì chỉ có 30.000.000 đồng.

Ngoài lần đó ra, không có lần nào ông T đến đưa tiền cho ông T1 nữa.

Ông T1 thống nhất với toàn bộ lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà M; yêu cầu Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà M. Ngoài ra, ông T1 không yêu cầu gì trong vụ án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Ngọc L trình bày:

Vào khoảng năm 2021, ông T có đưa tiền cho ông L khoảng 04 đến 05 lần, mỗi lần đưa trên 20.000.000 đồng tiền mặt, nhờ ông L mang đến nhà của bà M là shop quần áo Hoàng A tại đường D, khu phố C, phường M, thành phố B để trả cho bà M. Tổng cộng ông T đưa cho ông L khoảng hơn 140.000.000 đồng, ông L không còn nhớ chính xác là bao nhiêu. Khi đến nhà bà M, ông L giao tiền trực tiếp cho bà M, có chồng của bà M ở nhà cũng chứng kiến nhưng do sơ sót, tin tưởng nên không có lập văn bản cho bà M ký nhận tiền.

Ngoài ra, có một lần ông T giao cho ông L mang số tiền 50.000.000 đồng nhờ mang trả cho bà M nhưng khi ông L mang tiền đến nhà trả cho bà M thì bà M không nhận vì bà M đòi ông T phải trả thêm hơn số tiền 30.000.000 đồng tiền lãi của số tiền 50.000.000 đồng này nữa. Nếu không đưa đủ thì bà M không nhận nên ông L đã cầm số tiền 50.000.000 đồng này về trả lại cho ông T.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 67/2024/DS-ST ngày 11 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M đối với bị đơn ông Hà Tấn T về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bị đơn ông Hà Tấn T có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị M số tiền gốc còn nợ là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) và tiền lãi là 86.166.667 đồng (tám mươi sáu triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng), tổng cộng là 286.166.667 đồng (hai trăm tám mươi sáu triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

Ngoài ra, bản án còn quyết định về nghĩa vụ chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 24/6/2024, bị đơn ông Hà Tấn T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; nguyên đơn bà M vẫn giữ yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.
- Về nội dung: Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của bị đơn nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Ngọc L có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông L theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Quá trình tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, bị đơn ông Hà Tấn T thừa nhận chứng cứ do nguyên đơn bà Nguyễn Thị M xuất trình là Giấy vay tiền đề ngày 21/01/2020, là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Theo nội dung Giấy vay tiền đề ngày 21/01/2020, ông T có vay của bà M số tiền là 280.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 21/01/2020 đến ngày 21/02/2020, ông T sẽ thanh toán cho bà M.

[4] Bà M và ông T không thống nhất, bà M cho rằng ông T chỉ thanh toán được số tiền 80.000.000 đồng tiền nợ vay. Ông T cho rằng đã thanh toán hơn số tiền 200.000.000 đồng, chỉ còn nợ bà M số tiền 50.000.000 đồng nên chỉ đồng ý trả số tiền nợ còn lại là 50.000.000 đồng và lãi suất của số tiền trên.

[5] Xét, bị đơn ông T cho rằng đã thanh toán số tiền hơn 200.000.000 đồng nhưng nguyên đơn bà M chỉ thừa nhận ông T thanh toán được số tiền 80.000.000 đồng. Ông T không đưa ra được chứng cứ chứng minh có việc trả nhiều hơn số tiền 80.000.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định số nợ vay ông T còn nợ bà M là 200.000.000 đồng, là có căn cứ.

[6] Hợp đồng vay tài sản giữa bà M và ông T theo Giấy vay tiền đề ngày 21/01/2020 không có thỏa thuận về lãi suất. Đến hạn thanh toán ngày 21/02/2020 cho đến nay, ông T không thanh toán số tiền đã vay còn lại cho bà M nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà M, buộc ông T phải trả cho bà M tiền lãi chậm thanh toán theo mức lãi suất 10%/năm kể từ ngày 21/02/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 11/6/2024) là phù hợp theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[7] Từ những phân tích trên, xét thấy kháng cáo của bị đơn ông Hà Tấn T là không có căn cứ chấp nhận.

[8] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tại phiên tòa là phù hợp.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 148; khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Hà Tấn T.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 67/2024/DS-ST ngày 11 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bình Dương.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: bị đơn ông Hà Tấn T phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án 0000523 ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bình Dương.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố B;
- TAND thành phố B;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đinh Thị Mộng Tuyết